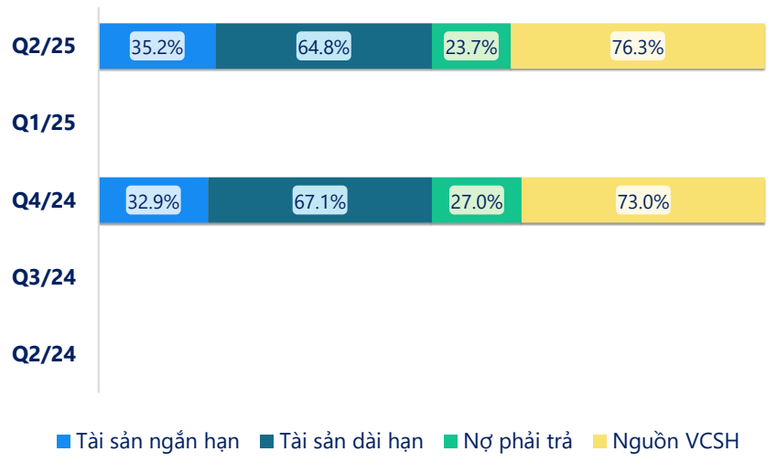
FireAnt

CTCP Cấp nước Sơn La (UPCOM: NSL)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	18,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,067
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,163
SL cổ phiếu LH	12,499,731
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	225
P/E	
EPS	

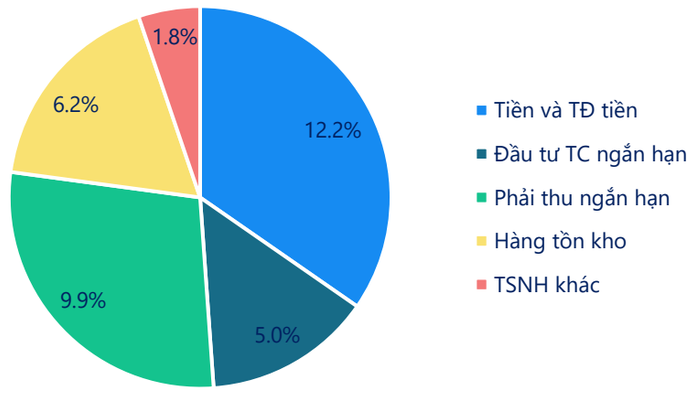
	YTD	1T	3T	6T
NSL	9.4%	-10.3%	8.9%	23.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



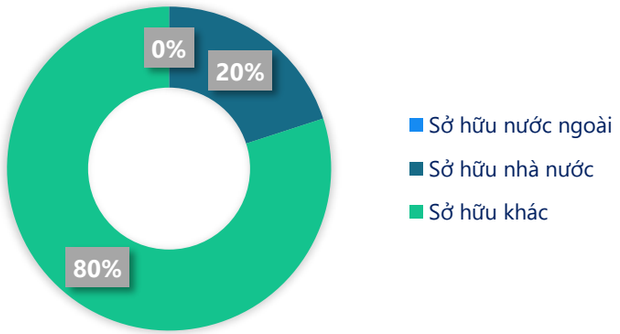
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



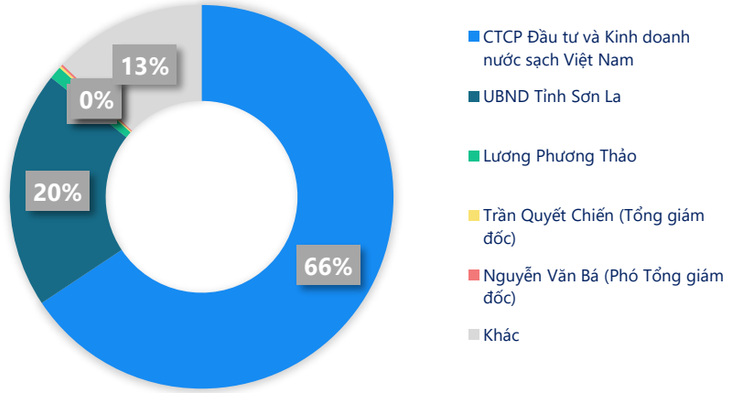
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



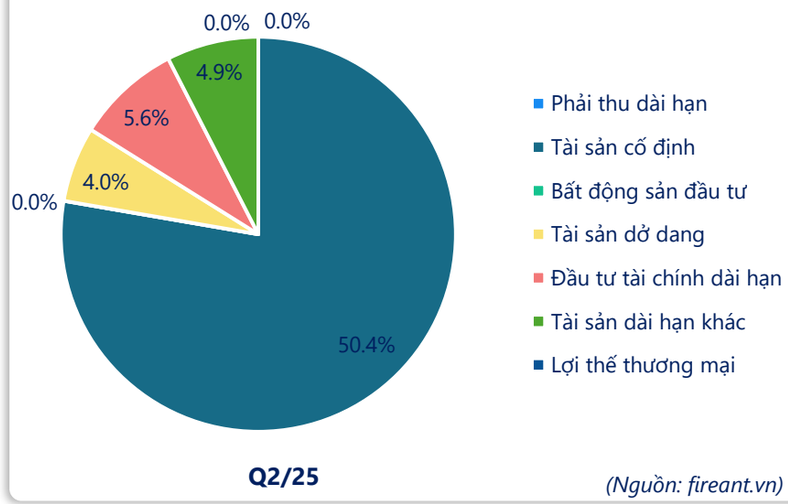
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

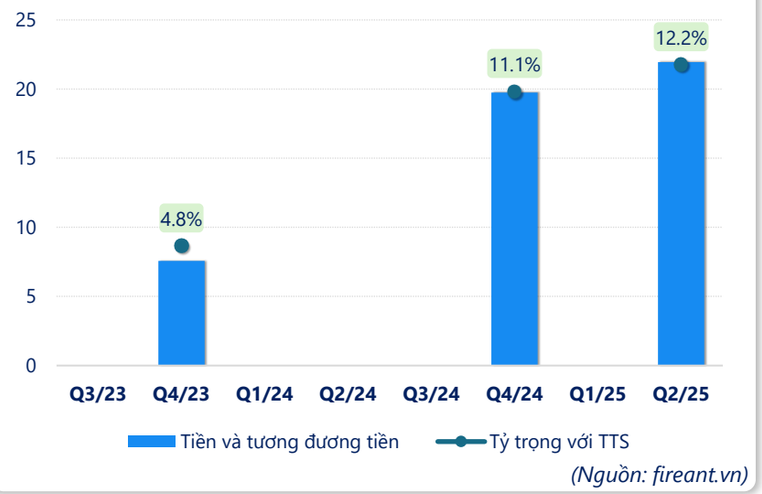


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

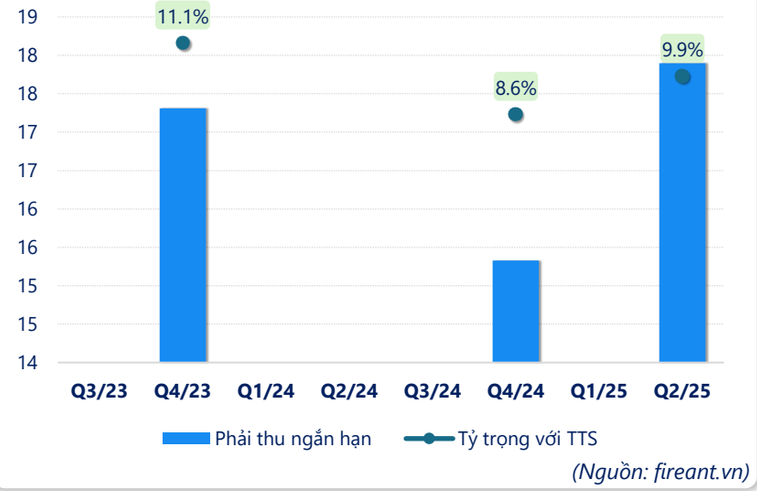
CTCP Cấp nước Sơn La (UPCOM: NSL)

Tiền và tương đương tiền



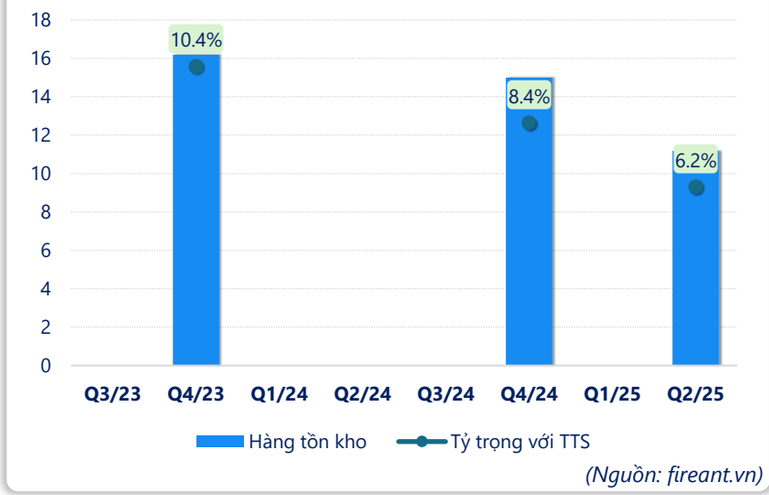
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



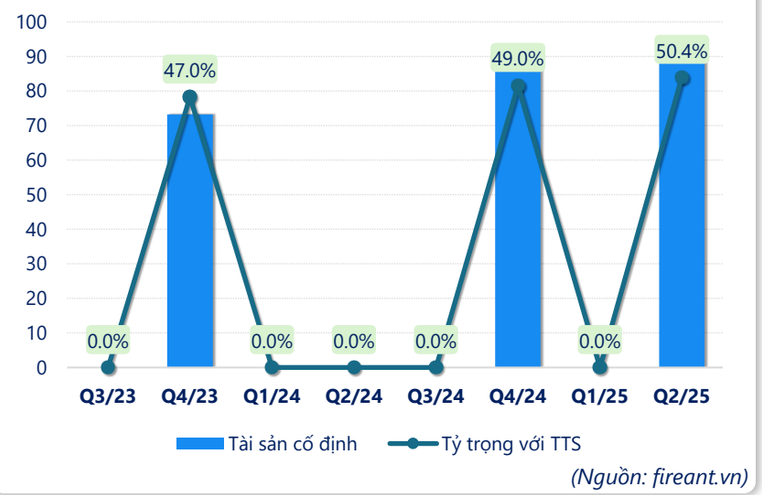
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



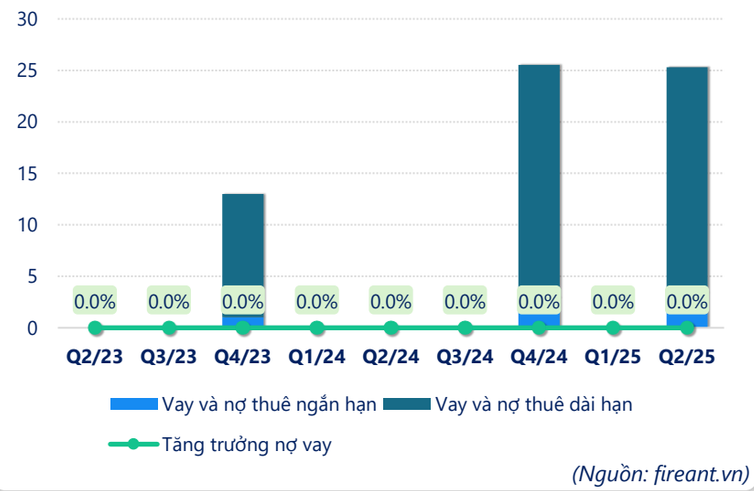
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



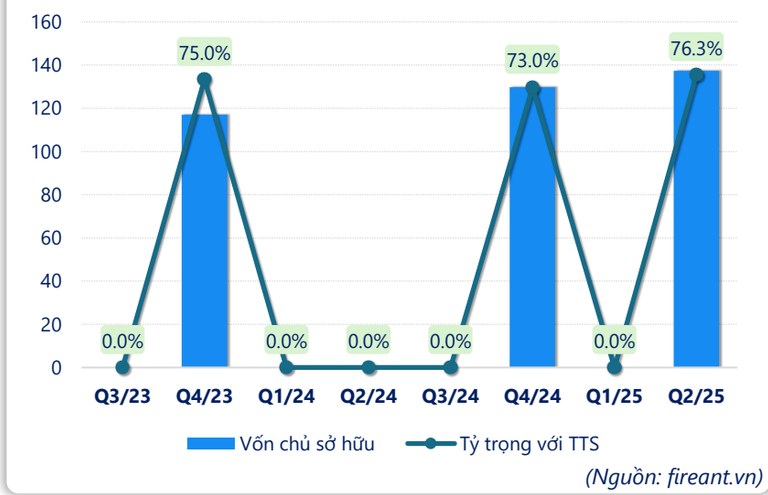
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

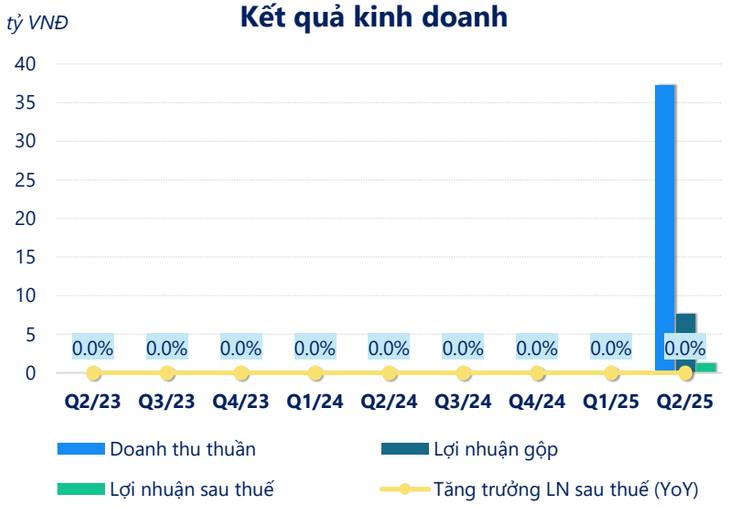


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

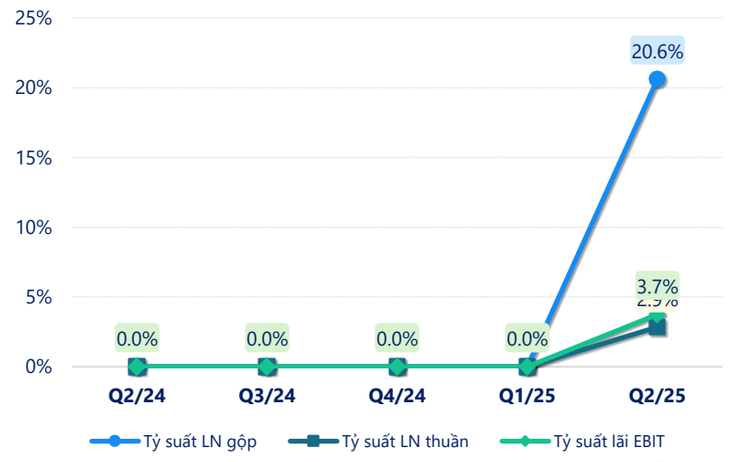
CTCP Cấp nước Sơn La (UPCOM: NSL)

Kết quả kinh doanh



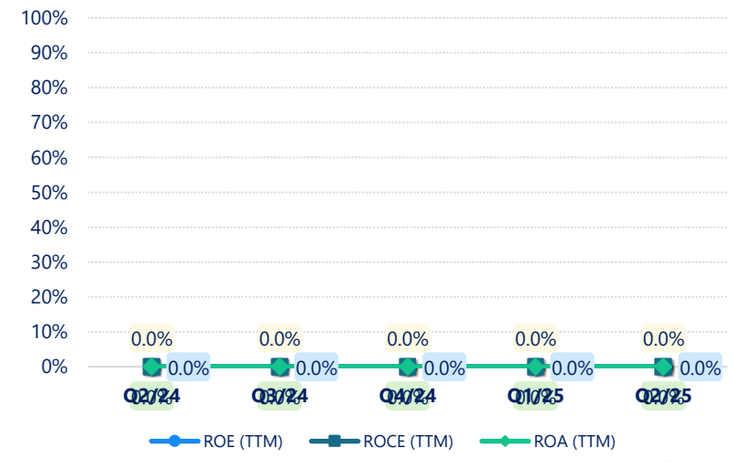
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



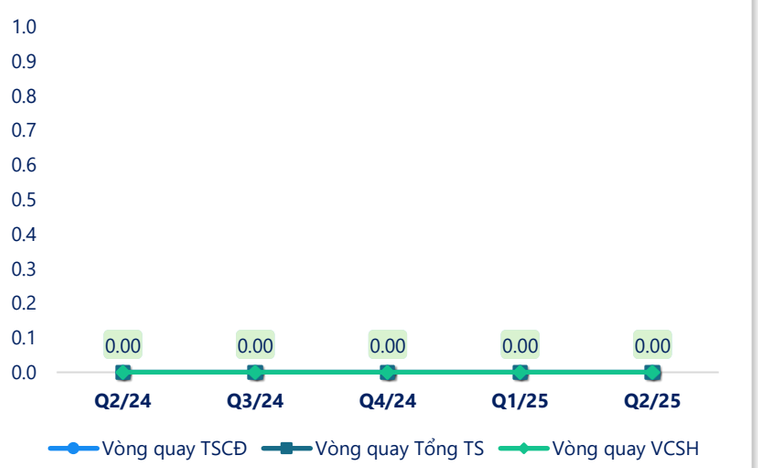
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



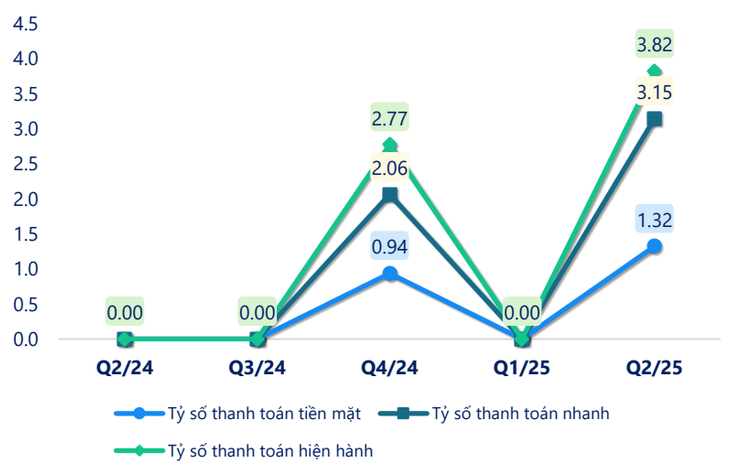
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



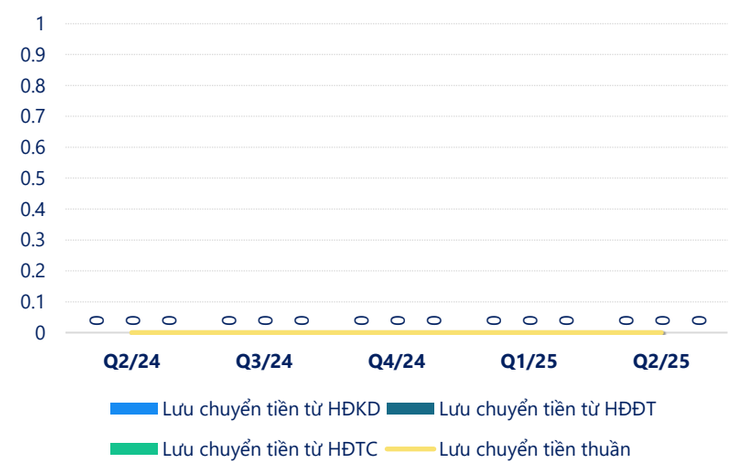
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Cấp nước Sơn La (UPCOM: NSL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**180**	**178**	**1.3%**
Tài sản ngắn hạn	63.3	58.4	8.3%
Tiền và tương đương tiền	21.9	19.7	11.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.00	5.00	80.0%
Phải thu ngắn hạn	17.9	15.3	16.8%
Hàng tồn kho	11.2	15.0	-25.4%
Tài sản ngắn hạn khác	3.30	3.39	-2.6%
Tài sản dài hạn	**117**	**119**	**-2.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	90.7	87.1	4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.21	12.0	-39.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**8.80**	**10.3**	**-14.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	42.7	48.0	-11.0%
Nợ ngắn hạn	**16.6**	**21.1**	**-21.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.42	2.86	19.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.09	1.59	-94.2%
Nợ dài hạn	26.1	26.9	-2.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.9	22.7	-3.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**137**	**130**	**5.8%**
Vốn chủ sở hữu	**137**	**130**	**5.8%**
Vốn điều lệ	125	100	25.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần					37.3
Giá vốn hàng bán					29.6
Lợi nhuận gộp					7.68
Doanh thu HĐTC					0.08
Chi phí TC					0.45
Chi phí lãi vay					0
LN trong công ty LKLD					0
Chi phí bán hàng					0
Chi phí QLDN					6.25
LN thuần từ HĐKD					1.06
Lợi nhuận khác					0.33
LN trước thuế					1.40
Lợi nhuận sau thuế					1.27
LNST của CĐ cty mẹ					1.27

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic